

Số: 38/2025/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày 09 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi
trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng
dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo
dục phổ thông;*

*Căn cứ Thông tư số 004/2025/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định
mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá
gói thầu;*

*Xét Tờ trình số 403/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi để tổ chức các
kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Gia
Lai; Báo cáo thẩm tra số 42/BC-VHXXH ngày 04 tháng 12 năm 2025 của Ban Văn
hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng
nhân dân tỉnh tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định nội dung, mức chi
để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa
bàn tỉnh Gia Lai.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo.

b) Các cơ quan, đơn vị, cá nhân khác có liên quan được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ.

Điều 2. Nội dung, mức chi

1. Các nội dung, mức chi để tổ chức kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông, kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia cấp trung học phổ thông được thực hiện theo quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này.

2. Các nội dung, mức chi để tổ chức các cuộc thi, hội thi cấp tỉnh trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo được thực hiện theo quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này.

3. Các nội dung, mức chi tiền ăn, ở cho học sinh và huấn luyện viên tham gia bồi dưỡng, tập huấn, huấn luyện và dự thi các kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp khu vực, quốc gia thực hiện theo quy định tại Phụ lục III kèm theo Nghị quyết này.

4. Các nội dung, mức chi để tổ chức kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10, kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa, kỳ thi cuối khóa tiếng dân tộc thiểu số; kỳ thi, cuộc thi, hội thi ở các trường, các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục thường xuyên (sau đây gọi chung là trường) trực thuộc Sở và ở cấp xã; kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã được thực hiện theo quy định tại Phụ lục IV kèm theo Nghị quyết này.

5. Những nội dung không được quy định tại Nghị quyết này thì áp dụng theo Thông tư số 69/2021/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông. Khi các văn bản quy định, viện dẫn để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi bổ sung hoặc thay thế.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Nghị quyết này gồm:

1. Nguồn ngân sách nhà nước (ngân sách chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề) theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; các nguồn vốn xã hội hóa, nguồn vốn huy động hợp pháp, nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định ban hành quy định nội dung, mức chi để tổ chức các

kỳ thi, hội thi, cuộc thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định; Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 23 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định tại Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, hội thi, cuộc thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định; Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định về mức tiền công cụ thể cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi tại các kỳ thi giáo dục phổ thông ở tỉnh Gia Lai và Nghị quyết số 69/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định về nội dung chi, mức chi đặc thù để chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, hội thao trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh Gia Lai hết hiệu lực kể từ khi Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính; Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTHĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (đăng tải trên công báo điện tử);
- Báo và Phát thanh truyền hình Gia Lai;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HSKH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trương Văn Đạt

Phụ lục I
CÁC NỘI DUNG, MỨC CHI ĐỂ TỔ CHỨC KỲ THI TỐT NGHIỆP
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG, KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC
GIA CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
(Kèm theo Nghị quyết số 38/2025/NQ-HĐND)

Đơn vị: Nghìn đồng

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
1	Chi tiền công cho các chức danh là thành viên của Hội đồng/Ban ra đề thi			
1.1	Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	580	Không quá 15 ngày
1.2	Phó Chủ tịch/Phó trưởng ban	Người/ngày	460	
1.3	Ủy viên, thư ký làm việc cách ly	Người/ngày	420	
1.4	Công an, bảo vệ làm việc cách ly	Người/ngày	370	
1.5	Ủy viên, Thư ký vòng ngoài	Người/ngày	370	
1.6	Bảo vệ, Phục vụ vòng ngoài	Người/ngày	230	
2	Chi tiền công cho các chức danh là thành viên của Hội đồng/Ban in sao đề thi			
2.1	Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	580	Không quá 15 ngày
2.2	Phó Chủ tịch/Phó trưởng ban	Người/ngày	460	
2.3	Ủy viên, Thư ký, làm việc cách ly	Người/ngày	420	
2.4	Công an, bảo vệ làm việc cách ly	Người/ngày	370	
2.5	Phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	230	
3	Chi tiền công cho Ban chỉ đạo thi			
3.1	Trưởng ban	Người/ngày	700	Không quá 15 ngày
3.2	Phó Trưởng ban thường trực	Người/ngày	500	
3.3	Phó Trưởng ban	Người/ngày	460	
3.4	Ủy viên, Thư ký	Người/ngày	370	
3.5	Nhân viên phục vụ	Người/ngày	230	
4	Chi tiền công cho Hội đồng thi (thi tốt nghiệp THPT)			
4.1	Chủ tịch	Người/ngày	580	Số ngày theo thực tế công việc
4.2	Phó Chủ tịch	Người/ngày	460	
4.3	Ủy viên	Người/ngày	370	
5	Chi tiền công cho Ban Thư ký Hội đồng thi			
5.1	Trưởng ban	Người/ngày	580	Số ngày theo

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
5.2	Phó Trưởng ban	Người/ngày	460	Thực tế công việc
5.3	Ủy viên	Người/ngày	370	
6	Ban vận chuyển đề thi			
6.1	Trưởng ban	Người/ngày	580	Số ngày theo thực tế công việc
6.2	Phó Trưởng ban	Người/ngày	460	
6.3	Ủy viên	Người/ngày	370	
7	Chi tiền công cho Hội đồng coi thi/Ban coi thi			
7.1	Chủ tịch/ Trưởng ban	Người/ngày	580	Số ngày theo thực tế công việc
7.2	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban/Trưởng Điểm thi	Người/ngày	460	
7.3	Phó Trưởng Điểm thi	Người/ngày	410	
7.4	Ủy viên, thư ký, giám thị	Người/ngày	370	
7.5	Công an, bảo vệ, y tế, Phục vụ	Người/ngày	230	
8	Chi tiền công cho Ban/Tổ làm phách			
8.1	Trưởng ban/Tổ trưởng	Người/ngày	580	Số ngày theo thực tế công việc
8.2	Phó Trưởng ban/Tổ phó	Người/ngày	460	
8.3	Ủy viên, thư ký làm việc cách ly	Người/ngày	410	
8.4	Nhân viên phục vụ, bảo vệ làm việc cách ly	Người/ngày	370	
8.5	Nhân viên phục vụ, bảo vệ, y tế vòng ngoài	Người/ngày	230	
9	Chi tiền công cho Hội đồng/Ban chấm thi tự luận, Hội đồng/Ban chấm thi trắc nghiệm, Hội đồng/Ban chấm thẩm định bài thi			
9.1	Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	580	Số ngày theo thực tế công việc
9.2	Phó Chủ tịch/Phó trưởng ban	Người/ngày	460	
9.3	Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	Người/ngày	370	
9.4	Nhân viên phục vụ, y tế, công an, bảo vệ	Người/ngày	230	
10	Chi tiền công cho Hội đồng/Ban phúc khảo tự luận, Hội đồng/Ban phúc khảo trắc nghiệm			
10.1	Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	580	Số ngày theo thực tế công việc
10.2	Phó Chủ tịch/Phó trưởng ban	Người/ngày	460	
10.3	Ủy viên, thư ký, giám khảo	Người/ngày	370	
10.4	Nhân viên phục vụ, y tế, công an, bảo vệ	Người/ngày	230	
11	Tiền công ra đề thi			
11.1	Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi			
11.1.1	Chủ trì	Người/ngày	580	Số ngày theo

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
11.1.2	Các thành viên	Người/ngày	460	thực tế công việc
11.2	Tiền công ra đề đề xuất đối với đề thi tự luận (Thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia)	Đề theo phân môn	1000	
11.3	Tiền công ra đề thi chính thức và dự bị có kèm theo đáp án, biểu điểm			
	Đề thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia (Đề tự luận, đề trắc nghiệm, đề thi nói gồm 10 chủ đề)	Người/ngày	580	Không quá 15 ngày
12	Tiền công xây dựng ngân hàng câu hỏi			
12.1	Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi			
12.1.1	Chủ trì	Người/ngày	580	Không quá 15 ngày
12.1.2	Các thành viên	Người/ngày	460	
12.2	Tiền công đối với câu hỏi			
12.2.1	Tiền công soạn thảo câu hỏi thô	Câu hỏi	70	
12.2.2	Tiền công rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	Câu hỏi	60	
12.2.3	Tiền công chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	Câu hỏi	50	
12.2.4	Tiền công chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	Câu hỏi	35	
12.2.5	Tiền công rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	Câu hỏi	10	
12.3	Tiền công thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm			
12.3.1	Chủ trì	Người/ngày	580	Số ngày theo thực tế công việc
12.3.2	Các thành viên	Người/ngày	460	
13	Tiền công chấm bài thi			
13.1	Tiền công chấm bài thi tự luận, bài thi nói và bài thi thực hành, bài thi tin học đối với thi tốt nghiệp trung học phổ thông, thi chọn học sinh giỏi quốc gia	Người/ngày	460	40 bài /người/ ngày/ vòng
13.2	Tiền công chấm bài thi trắc nghiệm đối với thi tốt nghiệp trung học phổ thông, thi chọn học sinh giỏi quốc gia	Người/ngày	460	Số ngày theo thực tế công việc
14	Tiền công tập huấn các đội tuyển dự thi học sinh giỏi cấp Quốc gia			
14.1	Tiền công cho biên soạn và giảng dạy lý thuyết, biên soạn và giảng dạy thực hành	Người/ngày	2000	Số ngày theo thực tế công

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
14.2	Tiền công cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn; trợ lý thí nghiệm, thực hành	Người/ngày	230	việc
15	Tiền công cho công tác thanh tra, kiểm tra thi			
15.1	Trưởng đoàn	Người/ngày	580	Số ngày theo thực tế công việc
15.2	Phó trưởng đoàn	Người/ngày	460	
15.3	Tổ trưởng Tổ kiểm tra (tại Điểm thi)	Người/ngày	460	
15.4	Thành viên đoàn	Người/ngày	400	
16	Tiền công làm đêm và trực đêm			
16.1	Tiền công làm đêm cho bộ phận trực tiếp in sao đề thi và bộ phận làm phách bài thi	Người/đêm	280	Số đêm theo thực tế công việc
16.2	Tiền công trực đêm cho cán bộ giữ đề thi và bài thi trong thời gian thi và chấm thi	Người/đêm	180	Số đêm theo thực tế công việc

Phụ lục II
CÁC NỘI DUNG, MỨC CHI ĐỀ TỔ CHỨC CÁC CUỘC THI, HỘI THI
CẤP TỈNH TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
(Kèm theo Nghị quyết số 38/2025/NQ-HĐND)

Đơn vị: Nghìn đồng

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
I	Tiền công cho các chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ tại các cuộc thi, hội thi cấp tỉnh tổ chức trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo			
1	Ban tổ chức			
1.1	Trưởng ban	Người/ngày	400	Số ngày theo thực tế công việc
1.2	Phó trưởng ban	Người/ngày	320	
1.3	Ủy viên, thành viên, thư ký	Người/ngày	260	
1.4	Công an, bảo vệ, phục vụ	Người/ngày	160	
2	Ban ra đề, Ban coi thi, Ban chấm thi/Ban Giám khảo, Hội đồng thẩm định			
2.1	Trưởng ban/Chủ tịch hội đồng	Người/ngày	400	Số ngày theo thực tế công việc
2.2	Phó trưởng ban/Phó chủ tịch hội đồng	Người/ngày	320	
2.3	Ủy viên, thành viên, thư ký	Người/ngày	260	
2.4	Công an, bảo vệ, phục vụ	Người/ngày	160	
3	Chi tiền công cho công tác thanh tra, kiểm tra thi			
3.1	Trưởng đoàn	Người/ngày	400	Số ngày theo thực tế công việc
3.2	Phó trưởng đoàn	Người/ngày	320	
3.3	Thành viên đoàn	Người/ngày	280	
4	Các chức danh khác	Người/ngày	260	
II	Tiền công tập huấn các đội tuyển cấp tỉnh tham dự các cuộc thi, hội thi cấp khu vực và quốc gia			
1	Tiền công cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn	Người/ngày	160	Số ngày theo thực tế công việc
2	Tiền công biên soạn và giảng dạy lý thuyết, thực hành	Người/ngày	1000	
3	Tiền công trợ lý thí nghiệm, thực hành	Người/ngày	160	

Phụ lục III**CÁC NỘI DUNG, MỨC CHI TIỀN ĂN, Ở CHO HỌC SINH VÀ HUẤN LUYỆN VIÊN THAM GIA BỒI DƯỠNG, TẬP HUẤN, HUẤN LUYỆN VÀ DỰ THI CÁC KỲ THI, CUỘC THI, HỘI THI CẤP KHU VỰC, QUỐC GIA***(Kèm theo Nghị quyết số 38/2025/NQ-HĐND)**Đơn vị: Nghìn đồng*

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
1	Hỗ trợ tiền ăn cho học sinh, huấn luyện viên			
1.1	Trong thời gian tập trung tập huấn	Người/ngày	200	Không quá 30 ngày
1.2	Trong thời gian thi đấu	Người/ngày	300	Theo thời gian thực tế
2	Hỗ trợ tiền ở cho học sinh, huấn luyện viên (trường hợp phải thuê chỗ ở)			
2.1	Trong tỉnh	Người/ngày	300	Theo thời gian thực tế
2.2	Ngoài tỉnh	Người/ngày	400	Theo thời gian thực tế

Phụ lục IV

QUY ĐỊNH NỘI DUNG, MỨC CHI ĐỀ TỔ CHỨC KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10, KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH CÁC MÔN VĂN HÓA, KỲ THI CUỐI KHÓA TIẾNG DÂN TỘC THIỂU SỐ; KỲ THI, CUỘC THI, HỘI THI CẤP TRƯỜNG TRỰC THUỘC SỞ VÀ Ở CẤP XÃ; KỲ THI, CUỘC THI, HỘI THI CẤP TRƯỜNG TRỰC THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ *(Kèm theo Nghị quyết số 38/2025/NQ-HĐND)*

1. Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10, kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa, kỳ thi cuối khóa tiếng dân tộc thiểu số

- Tiền công cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi tại Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 (thi tuyển), Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa được tính bằng 90% mức chi tại Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này.

- Tiền công cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi tại Kỳ thi cuối khóa tiếng dân tộc thiểu số được tính bằng 70% mức chi tại Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này.

2. Kỳ thi, cuộc thi, hội thi ở cấp trường trực thuộc Sở và ở cấp xã

- Tiền công cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi trong kỳ thi chọn học sinh giỏi các môn văn hóa được tính bằng 50% mức chi tại Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này;

- Tiền công cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ tổ chức các cuộc thi, hội thi do ngành giáo dục và đào tạo tổ chức được tính bằng 50% mức chi tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này.

- Tiền ăn, ở cho học sinh, huấn luyện viên tham gia bồi dưỡng, tập huấn, huấn luyện và dự thi các cuộc thi, hội thi cấp xã, phường và cấp trường THPT được tính bằng 50% mức chi tại Phụ lục III kèm theo Nghị quyết này.

3. Kỳ thi, cuộc thi, hội thi ở cấp trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã

- Tiền công cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi trong kỳ thi chọn học sinh giỏi các môn văn hóa được tính bằng 40% mức chi tại Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này.

- Tiền công cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ tổ chức các cuộc thi, hội thi do ngành giáo dục và đào tạo tổ chức được tính bằng 40% mức chi tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này.

4. Mức chi chế độ ăn, ở cho học sinh và huấn luyện viên ở cấp trường

Tiền ăn, ở cho học sinh, huấn luyện viên tham gia bồi dưỡng, tập huấn, huấn luyện và dự thi các cuộc thi, hội thi cấp tỉnh và cấp xã được tính bằng 40% mức chi tại Phụ lục III kèm theo Nghị quyết này.